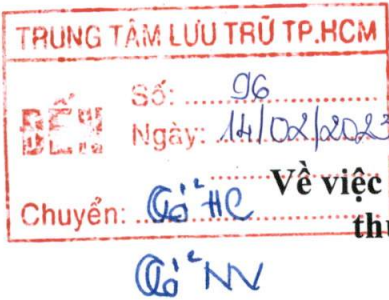


Số: 414 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2023



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục và mã phong các cơ quan, tổ chức
thuộc nguồn nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử
Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính
cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14
tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP
ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;

Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16
tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố
Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương (viết tắt là Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 17/2014/TT-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử các cấp và Quyết định số 135/QĐ-BNV ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nội vụ về việc đính chính Thông tư số 17/2014/TT-BNV;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mã định danh điện tử áp dụng cho các cơ quan, đơn vị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 195/TTr-SNV ngày 13 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và mã phong các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu (gọi tắt là cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu) vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ:

1. Chỉ đạo Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố hướng dẫn các cơ quan, tổ chức có tên trong Danh mục nêu tại Điều 1 của Quyết định này chuẩn bị hồ sơ, tài liệu nộp lưu; thu thập tài liệu vào Lưu trữ lịch sử Thành phố theo quy định.

2. Phê duyệt Danh mục hồ sơ, tài liệu nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử Thành phố của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu theo đề xuất của Trung tâm Lưu trữ lịch sử trước khi thu thập.

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử Thành phố có trách nhiệm tổ chức lựa chọn, thu thập hồ sơ, tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn của cơ quan, tổ chức để nộp lưu vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 7109/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Danh mục các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Trung tâm Lưu trữ lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu và Giám đốc Trung tâm Lưu trữ lịch sử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Văn thư và Lưu trữ NN;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Trung tâm Lưu trữ quốc gia II;
- Sở Nội vụ, Sở Tư pháp;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử;
- VPUB: PCVP/VX;
- Phòng VX;
- Lưu: VT, (VX-Tri). 15 .

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hoan



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

**Danh mục và mã phong các cơ quan, tổ chức
thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào trung tâm lưu trữ lịch sử**

Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~414~~ /QĐ-UBND ngày ~~13~~ tháng ~~02~~ năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Mã phong	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	GHI CHÚ
A		CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THÀNH PHỐ	140 cơ quan, tổ chức
I		Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	
1	K29	Hội đồng nhân dân Thành phố	
2	K29.1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố	
II		Ủy ban nhân dân	
3	H29	Ủy ban nhân dân Thành phố	
III		Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân	
4	H29.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	
5	H29.2	Sở Công Thương Thành phố	
6	H29.3	Sở Du lịch Thành phố	
7	H29.4	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố	
8	H29.5	Sở Giao thông vận tải Thành phố	
9	H29.6	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố	
10	H29.7	Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố	
11	H29.8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố	
12	H29.9	Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh	
13	H29.10	Sở Nội vụ Thành phố	
14	H29.11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố	
15	H29.12	Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố	

16	H29.13	Sở Tài chính Thành phố	
17	H29.14	Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố	
18	H29.15	Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố	
19	H29.16	Sở Tư pháp Thành phố	
20	H29.17	Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố	
21	H29.18	Sở Xây dựng Thành phố	
22	H29.19	Sở Y tế Thành phố	
23	H29.20	Thanh tra Thành phố	
24	H29.21	Ban Dân tộc Thành phố	
25	H29.23	Ban Đổi mới Quản lý doanh nghiệp Thành phố	
26	H29.24	Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố	
27	H29.27	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm Thành phố	
28	H29.29	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố	
29	H29.49	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Nam Thành phố (gọi tắt là Ban Quản lý khu Nam)	
30	H29.31	Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng Khu đô thị Tây Bắc Thành phố	
31	H29.32	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố	
32	H29.34	Ban Quản lý Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố	
33	H29.41	Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài Thành phố	
IV		Tòa án nhân dân	
34	D01.54	Tòa án nhân dân Thành phố	
V		Viện kiểm sát nhân dân	
35	E01.59	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	
VI		Công an, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng	
36	G01.79	Công an Thành phố	
37	G11.17.79	Bộ Tư lệnh Thành phố	
38	G11.42.79	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố	

VII		Các tổ chức trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng quản lý Nhà nước	
39	H29.7.1	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	
40	H29.8.3	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
41	H29.10.1	Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ	
42	H29.10.2	Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ	
43	H29.10.3	Chi cục Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ	
44	H29.11.5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
45	H29.11.6	Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
46	H29.11.7	Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
47	H29.11.8	Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
48	H29.11.9	Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
49	H29.11.10	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
50	H29.13.2	Chi cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính	
51	H29.14.2	Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	
52	H29.19.120	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế	
VIII		Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân	
53	H29.48	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố	
54	H29.54	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
55	H29.25	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Thành phố	

56	H29.53	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố	
57	H29.28	Ban Quản lý Đường sắt đô thị	
58	H29.35	Ban Quản lý Công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc	
59	H29.36	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	
60	H29.37	Đài Truyền hình Thành phố	
61	H29.39	Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố	
62	H29.51	Học viện Cán bộ Thành phố	
63	H29.46	Quỹ Phát triển Đất	
64	H29.52	Quỹ Phát triển Nhà ở	
65	H29.42	Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố	
66	H29.43	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố	
67	H29.59	Trường Cao đẳng Kiến trúc - Xây dựng Thành phố	
68	H29.44	Trường Đại học Sài Gòn	
69	H29.45	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	
70	H29.40	Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố	
IX		Cơ quan, tổ chức của Trung ương, các đơn vị thành viên của các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty nhà nước được tổ chức, hoạt động theo ngành dọc ở Thành phố	
71	G24.079	Bảo hiểm xã hội Thành phố	
72	G14.80.13	Bưu điện Thành phố	
73	G12.34.79	Cục Hải quan Thành phố	
74	G02.14.02	Cục Quản lý thị trường Thành phố	
75	G15.13.79	Cục Thi hành án Dân sự Thành phố	
76	G05.25.69	Cục Thống kê Thành phố	
77	G12.18.79	Cục Thuế Thành phố	
78	G12.12.79	Kho Bạc nhà nước Thành phố	
79	G19.79	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	
80	G02.79	Tổng Công ty Điện lực Thành phố	

X		Doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập	
81	H29.82	Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố (HFIC)	
82	H29.83	Công ty TNHH Một thành viên 27/7	
83	H29.84	Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng Thành phố	
84	H29.85	Công ty TNHH Một thành viên Công trình cầu phà Thành phố	
85	H29.86	Công ty TNHH Một thành viên Công trình giao thông Sài Gòn	
86	H29.87	Công ty TNHH Một thành viên Công viên cây xanh Thành phố	
87	H29.88	Công ty TNHH Một thành viên Dệt may Gia Định	
88	H29.89	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Thanh niên Xung phong	
89	H29.90	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO)	
90	H29.91	Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước đô thị Thành phố	
91	H29.92	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia	
92	H29.93	Công ty TNHH Một thành viên Dược Sài Gòn	
93	H29.94	Công ty TNHH Một thành viên Đường sắt đô thị số 1	
94	H29.95	Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố	
95	H29.96	Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp Tân Thuận (IPC)	
96	H29.97	Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung	
97	H29.98	Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu công nghệ cao Thành phố	
98	H29.99	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi	
99	H29.100	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố	

100	H29.101	Công ty TNHH Một thành viên Thảo cầm viên Sài Gòn	
101	H29.102	Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn (SJC)	
102	H29.103	Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Thành phố	
103	H29.104	Công ty TNHH Một thành viên Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX)	
104	H29.105	Tổng Công ty Bến Thành - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên	
105	H29.106	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (SAWACO)	
106	H29.107	Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì LIKSIN - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên	
107	H29.108	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (CNS)	
108	H29.109	Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (SAMCO)	
109	H29.110	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (SAIGON TOURIST)	
110	H29.111	Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (RESCO)	
111	H29.112	Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (SAGRI)	
112	H29.113	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (SATRA)	
113	H29.114	Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (S.C.P.C)	
114	H29.115	Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (SGCC)	
115	H29.116	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố (Saigon Co.op)	
XI		Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh hoạt động bằng ngân sách nhà nước	
		* Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp	
116	H29.117	Hội Âm nhạc	

117	H29.118	Hội Cựu Thanh niên xung phong	
118	H29.119	Hội Điện ảnh	
119	H29.120	Hội Đông y	
120	H29.121	Hội Y học	
121	H29.122	Hội Kiến trúc sư	
122	H29.123	Hội Luật gia	
123	H29.124	Hội Mỹ thuật	
124	H29.125	Hội Nhà báo	
125	H29.126	Hội Nhà văn	
126	H29.127	Hội Nghệ sĩ múa	
127	H29.128	Hội Nhiếp ảnh	
128	H29.129	Hội Sân khấu	
129	H29.130	Hội Văn học Nghệ thuật các Dân tộc thiểu số	
		* Tổ chức xã hội	
130	H29.131	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	
131	H29.132	Hội Chữ thập đỏ	
132	H29.133	Hội Khuyến học	
133	H29.134	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	
134	H29.135	Hội Người cao tuổi	
135	H29.136	Hội Người mù	
		* Tổ chức xã hội - nghề nghiệp	
136	H29.137	Đoàn Luật sư	
137	H29.138	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật	
138	H29.55	Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật	
139	H29.139	Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị	
140	H29.140	Liên minh Hợp tác xã Thương mại	
B		CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC QUẬN, HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	488 cơ quan, tổ chức
I		Thành phố Thủ Đức	
141	K29.2	Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức	

142	H29.81	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức	
143	H29.81.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phòng Hội đồng nhân dân, phòng Ủy ban nhân dân và phòng của 12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
144	H29.81.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức	
145	H29.81.3	Phòng Kinh tế thành phố Thủ Đức	
146	H29.81.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức	
147	H29.81.5	Phòng Nội vụ thành phố Thủ Đức	
148	H29.81.6	Phòng Quản lý đô thị thành phố Thủ Đức	
149	H29.81.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thủ Đức	
150	H29.81.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Đức	
151	H29.81.9	Thanh tra thành phố Thủ Đức	
152	H29.81.10	Phòng Tư pháp thành phố Thủ Đức	
153	H29.81.11	Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Thủ Đức	
154	H29.81.12	Phòng Y tế thành phố Thủ Đức	
155	H29.81.13	Phòng Khoa học và Công nghệ thành phố Thủ Đức	
156	D01.54.01	Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phòng Tòa án nhân dân Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
157	E01.59.34	Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phòng Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
158	G01.79.1	Công an thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phòng Công an Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	

159	G11.79.1	Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phong Ban Chỉ huy Quân sự Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
160	G24.079.03	Bảo hiểm xã hội thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phong Bảo hiểm xã hội Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
161	G15.13.79.769	Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phong Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
162	G05.25.69.02	Chi cục Thống kê thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phong Chi cục Thống kê Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
163	G12.18.79.790	Chi cục Thuế thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phong Chi cục Thuế Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
164	G12.12.79.762	Kho bạc Nhà nước thành phố Thủ Đức (bảo quản, nộp lưu tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc phong Kho bạc Nhà nước Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức)	
II		Các quận (16 quận: Quận 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, Bình Tân, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú)	
		* Quận 1	
165	H29.60	Ủy ban nhân dân Quận 1	
166	H29.60.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1	
167	H29.60.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1	
168	H29.60.3	Phòng Kinh tế Quận 1	
169	H29.60.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 1	
170	H29.60.5	Phòng Nội vụ Quận 1	
171	H29.60.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 1	
172	H29.60.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 1	
173	H29.60.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 1	
174	H29.60.9	Thanh tra Quận 1	

175	H29.60.10	Phòng Tư pháp Quận 1	
176	H29.60.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 1	
177	H29.60.12	Phòng Y tế Quận 1	
178	D01.54.02	Tòa án nhân dân Quận 1	
179	E01.59.13	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1	
180	G01.79.2	Công an Quận 1	
181	G11.79.2	Ban Chỉ huy quân sự Quận 1	
182	G24.079.01	Bảo hiểm xã hội Quận 1	
183	G15.13.79.760	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1	
184	G05.25.69.01	Chi cục Thống kê Quận 1	
185	G12.18.79.760	Chi cục Thuế Quận 1	
186	G12.12.79.760	Kho Bạc nhà nước Quận 1	
		* Quận 3	
187	H29.61	Ủy ban nhân dân Quận 3	
188	H29.61.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 3	
189	H29.61.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3	
190	H29.61.3	Phòng Kinh tế Quận 3	
191	H29.61.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 3	
192	H29.61.5	Phòng Nội vụ Quận 3	
193	H29.61.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 3	
194	H29.61.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 3	
195	H29.61.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3	
196	H29.61.9	Thanh tra Quận 3	
197	H29.61.10	Phòng Tư pháp Quận 3	
198	H29.61.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 3	
199	H29.61.12	Phòng Y tế Quận 3	
200	D01.54.03	Tòa án nhân dân Quận 3	
201	E01.59.14	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3	
202	G01.79.3	Công an Quận 3	
203	G11.79.3	Ban Chỉ huy quân sự Quận 3	
204	G24.079.11	Bảo hiểm xã hội Quận 3	
205	G15.13.79.770	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3	

206	G05.25.69.03	Chi cục Thống kê Quận 3	
207	G12.18.79.770	Chi cục Thuế Quận 3	
208	G12.12.79.770	Kho Bạc nhà nước Quận 3	
		* Quận 4	
209	H29.62	Ủy ban nhân dân Quận 4	
210	H29.62.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4	
211	H29.62.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4	
212	H29.62.3	Phòng Kinh tế Quận 4	
213	H29.62.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 4	
214	H29.62.5	Phòng Nội vụ Quận 4	
215	H29.62.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 4	
216	H29.62.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 4	
217	H29.62.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 4	
218	H29.62.9	Thanh tra Quận 4	
219	H29.62.10	Phòng Tư pháp Quận 4	
220	H29.62.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 4	
221	H29.62.12	Phòng Y tế Quận 4	
222	D01.54.04	Tòa án nhân dân Quận 4	
223	E01.59.15	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4	
224	G01.79.4	Công an Quận 4	
225	G11.79.4	Ban Chỉ huy quân sự Quận 4	
226	G24.079.14	Bảo hiểm xã hội Quận 4	
227	G15.13.79.773	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4	
228	G05.25.69.04	Chi cục Thống kê Quận 4	
229	G12.18.79.773	Chi cục Thuế Quận 4	
230	G12.12.79.773	Kho Bạc nhà nước Quận 4	
		* Quận 5	
231	H29.63	Ủy ban nhân dân Quận 5	
232	H29.63.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 5	
233	H29.63.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5	
234	H29.63.3	Phòng Kinh tế Quận 5	
235	H29.63.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 5	

236	H29.63.5	Phòng Nội vụ Quận 5	
237	H29.63.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 5	
238	H29.63.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 5	
239	H29.63.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 5	
240	H29.63.9	Thanh tra Quận 5	
241	H29.63.10	Phòng Tư pháp Quận 5	
242	H29.63.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 5	
243	H29.63.12	Phòng Y tế Quận 5	
244	D01.54.05	Tòa án nhân dân Quận 5	
245	E01.59.16	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 5	
246	G01.79.5	Công an Quận 5	
247	G11.79.5	Ban Chỉ huy quân sự Quận 5	
248	G24.079.15	Bảo hiểm xã hội Quận 5	
249	G15.13.79.774	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5	
250	G05.25.69.05	Chi cục Thống kê Quận 5	
251	G12.18.79.774	Chi cục Thuế Quận 5	
252	G12.12.79.774	Kho Bạc nhà nước Quận 5	
		* Quận 6	
253	H29.64	Ủy ban nhân dân Quận 6	
254	H29.64.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 6	
255	H29.64.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 6	
256	H29.64.3	Phòng Kinh tế Quận 6	
257	H29.64.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 6	
258	H29.64.5	Phòng Nội vụ Quận 6	
259	H29.64.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 6	
260	H29.64.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 6	
261	H29.64.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 6	
262	H29.64.9	Thanh tra Quận 6	
263	H29.64.10	Phòng Tư pháp Quận 6	
264	H29.64.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 6	
265	H29.64.12	Phòng Y tế Quận 6	
266	D01.54.06	Tòa án nhân dân Quận 6	

267	E01.59.17	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6	
268	G01.79.6	Công an Quận 6	
269	G11.79.6	Ban Chỉ huy quân sự Quận 6	
270	G24.079.16	Bảo hiểm xã hội Quận 6	
271	G15.13.79.775	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6	
272	G05.25.69.06	Chi cục Thống kê Quận 6	
273	G12.18.79.775	Chi cục Thuế Quận 6	
274	G12.12.79.775	Kho Bạc nhà nước Quận 6	
		* Quận 7	
275	H29.65	Ủy ban nhân dân Quận 7	
276	H29.65.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 7	
277	H29.65.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 7	
278	H29.65.3	Phòng Kinh tế Quận 7	
279	H29.65.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 7	
280	H29.65.5	Phòng Nội vụ Quận 7	
281	H29.65.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 7	
282	H29.65.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 7	
283	H29.65.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 7	
284	H29.65.9	Thanh tra Quận 7	
285	H29.65.10	Phòng Tư pháp Quận 7	
286	H29.65.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 7	
287	H29.65.12	Phòng Y tế Quận 7	
288	D01.54.07	Tòa án nhân dân Quận 7	
289	E01.59.18	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 7	
290	G01.79.7	Công an Quận 7	
291	G11.79.7	Ban Chỉ huy quân sự Quận 7	
292	G24.079.19	Bảo hiểm xã hội Quận 7	
293	G15.13.79.778	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7	
294	G05.25.69.07	Chi cục Thống kê Quận 7	
295	G12.18.79.788	Chi cục Thuế khu vực Quận 7 - Nhà Bè	
296	G12.12.79.778	Kho Bạc nhà nước Quận 7	
		* Quận 8	
297	H29.66	Ủy ban nhân dân Quận 8	

298	H29.66.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8	
299	H29.66.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8	
300	H29.66.3	Phòng Kinh tế Quận 8	
301	H29.66.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 8	
302	H29.66.5	Phòng Nội vụ Quận 8	
303	H29.66.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 8	
304	H29.66.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 8	
305	H29.66.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8	
306	H29.66.9	Thanh tra Quận 8	
307	H29.66.10	Phòng Tư pháp Quận 8	
308	H29.66.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8	
309	H29.66.12	Phòng Y tế Quận 8	
310	D01.54.08	Tòa án nhân dân Quận 8	
311	E01.59.19	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8	
312	G01.79.8	Công an Quận 8	
313	G11.79.8	Ban Chỉ huy quân sự Quận 8	
314	G24.079.17	Bảo hiểm xã hội Quận 8	
315	G15.13.79.776	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8	
316	G05.25.69.08	Chi cục Thống kê Quận 8	
317	G12.18.79.776	Chi cục Thuế Quận 8	
318	G12.12.79.776	Kho Bạc nhà nước Quận 8	
		* Quận 10	
319	H29.67	Ủy ban nhân dân Quận 10	
320	H29.67.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 10	
321	H29.67.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 10	
322	H29.67.3	Phòng Kinh tế Quận 10	
323	H29.67.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 10	
324	H29.67.5	Phòng Nội vụ Quận 10	
325	H29.67.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 10	
326	H29.67.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 10	
327	H29.67.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 10	

328	H29.67.9	Thanh tra Quận 10	
329	H29.67.10	Phòng Tư pháp Quận 10	
330	H29.67.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 10	
331	H29.67.12	Phòng Y tế Quận 10	
332	D01.54.09	Tòa án nhân dân Quận 10	
333	E01.59.20	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10	
334	G01.79.9	Công an Quận 10	
335	G11.79.9	Ban Chỉ huy quân sự Quận 10	
336	G24.079.12	Bảo hiểm xã hội Quận 10	
337	G15.13.79.771	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10	
338	G05.25.69.09	Chi cục Thống kê Quận 10	
339	G12.18.79.771	Chi cục Thuế Quận 10	
340	G12.12.79.771	Kho Bạc nhà nước Quận 10	
		* Quận 11	
341	H29.68	Ủy ban nhân dân Quận 11	
342	H29.68.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 11	
343	H29.68.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11	
344	H29.68.3	Phòng Kinh tế Quận 11	
345	H29.68.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 11	
346	H29.68.5	Phòng Nội vụ Quận 11	
347	H29.68.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 11	
348	H29.68.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 11	
349	H29.68.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 11	
350	H29.68.9	Thanh tra Quận 11	
351	H29.68.10	Phòng Tư pháp Quận 11	
352	H29.68.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 11	
353	H29.68.12	Phòng Y tế Quận 11	
354	D01.54.10	Tòa án nhân dân Quận 11	
355	E01.59.21	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 11	
356	G01.79.10	Công an Quận 11	
357	G11.79.10	Ban Chỉ huy quân sự Quận 11	
358	G24.079.13	Bảo hiểm xã hội Quận 11	

359	G15.13.79.772	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11	
360	G05.25.69.10	Chi cục Thống kê Quận 11	
361	G12.18.79.772	Chi cục Thuế Quận 11	
362	G12.12.79.772	Kho Bạc nhà nước Quận 11	
		* Quận 12	
363	H29.69	Ủy ban nhân dân Quận 12	
364	H29.69.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 12	
365	H29.69.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12	
366	H29.69.3	Phòng Kinh tế Quận 12	
367	H29.69.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 12	
368	H29.69.5	Phòng Nội vụ Quận 12	
369	H29.69.6	Phòng Quản lý đô thị Quận 12	
370	H29.69.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận 12	
371	H29.69.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 12	
372	H29.69.9	Thanh tra Quận 12	
373	H29.69.10	Phòng Tư pháp Quận 12	
374	H29.69.11	Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 12	
375	H29.69.12	Phòng Y tế Quận 12	
376	D01.54.11	Tòa án nhân dân Quận 12	
377	E01.59.22	Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12	
378	G01.79.11	Công an Quận 12	
379	G11.79.11	Ban Chỉ huy quân sự Quận 12	
380	G24.079.02	Bảo hiểm xã hội Quận 12	
381	G15.13.79.761	Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12	
382	G05.25.69.11	Chi cục Thống kê Quận 12	
383	G12.18.79.789	Chi cục Thuế khu vực Quận 12 - Hóc Môn	
384	G12.12.79.761	Kho Bạc nhà nước Quận 12	
		* Quận Bình Tân	
385	H29.70	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	
386	H29.70.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	
387	H29.70.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Tân	
388	H29.70.3	Phòng Kinh tế quận Bình Tân	

389	H29.70.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân	
390	H29.70.5	Phòng Nội vụ quận Bình Tân	
391	H29.70.6	Phòng Quản lý đô thị quận Bình Tân	
392	H29.70.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân	
393	H29.70.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Bình Tân	
394	H29.70.9	Thanh tra quận Bình Tân	
395	H29.70.10	Phòng Tư pháp quận Bình Tân	
396	H29.70.11	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Bình Tân	
397	H29.70.12	Phòng Y tế quận Bình Tân	
398	D01.54.12	Tòa án nhân dân quận Bình Tân	
399	E01.59.24	Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân	
400	G01.79.12	Công an quận Bình Tân	
401	G11.79.12	Ban Chỉ huy quân sự quận Bình Tân	
402	G24.079.18	Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân	
403	G15.13.79.777	Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân	
404	G05.25.69.17	Chi cục Thống kê quận Bình Tân	
405	G12.18.79.777	Chi cục Thuế quận Bình Tân	
406	G12.12.79.777	Kho Bạc nhà nước quận Bình Tân	
		* Quận Bình Thạnh	
407	H29.71	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	
408	H29.71.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	
409	H29.71.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh	
410	H29.71.3	Phòng Kinh tế quận Bình Thạnh	
411	H29.71.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Thạnh	
412	H29.71.5	Phòng Nội vụ quận Bình Thạnh	
413	H29.71.6	Phòng Quản lý đô thị quận Bình Thạnh	
414	H29.71.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Thạnh	
415	H29.71.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Bình Thạnh	
416	H29.71.9	Thanh tra quận Bình Thạnh	
417	H29.71.10	Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh	

418	H29.71.11	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Bình Thạnh	
419	H29.71.12	Phòng Y tế quận Bình Thạnh	
420	D01.54.13	Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh	
421	E01.59.25	Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh	
422	G01.79.13	Công an quận Bình Thạnh	
423	G11.79.13	Ban Chỉ huy quân sự quận Bình Thạnh	
424	G24.079.06	Bảo hiểm xã hội quận Bình Thạnh	
425	G15.13.79.765	Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh	
426	G05.25.69.16	Chi cục Thống kê quận Bình Thạnh	
427	G12.18.79.765	Chi cục Thuế quận Bình Thạnh	
428	G12.12.79.765	Kho Bạc nhà nước quận Bình Thạnh	
		* Quận Gò Vấp	
429	H29.72	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	
430	H29.72.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	
431	H29.72.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp	
432	H29.72.3	Phòng Kinh tế quận Gò Vấp	
433	H29.72.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Gò Vấp	
434	H29.72.5	Phòng Nội vụ quận Gò Vấp	
435	H29.72.6	Phòng Quản lý đô thị quận Gò Vấp	
436	H29.72.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Gò Vấp	
437	H29.72.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Gò Vấp	
438	H29.72.9	Thanh tra quận Gò Vấp	
439	H29.72.10	Phòng Tư pháp quận Gò Vấp	
440	H29.72.11	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Gò Vấp	
441	H29.72.12	Phòng Y tế quận Gò Vấp	
442	D01.54.14	Tòa án nhân dân quận Gò Vấp	
443	E01.59.28	Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp	
444	G01.79.14	Công an quận Gò Vấp	
445	G11.79.14	Ban Chỉ huy quân sự quận Gò Vấp	
446	G24.079.05	Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp	
447	G15.13.79.764	Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp	
448	G05.25.69.15	Chi cục Thống kê quận Gò Vấp	

449	G12.18.79.764	Chi cục Thuế quận Gò Vấp	
450	G12.12.79.764	Kho Bạc nhà nước quận Gò Vấp	
		* Quận Phú Nhuận	
451	H29.73	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	
452	H29.73.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	
453	H29.73.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Phú Nhuận	
454	H29.73.3	Phòng Kinh tế quận Phú Nhuận	
455	H29.73.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Phú Nhuận	
456	H29.73.5	Phòng Nội vụ quận Phú Nhuận	
457	H29.73.6	Phòng Quản lý đô thị quận Phú Nhuận	
458	H29.73.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Phú Nhuận	
459	H29.73.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Phú Nhuận	
460	H29.73.9	Thanh tra quận Phú Nhuận	
461	H29.73.10	Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận	
462	H29.73.11	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Phú Nhuận	
463	H29.73.12	Phòng Y tế quận Phú Nhuận	
464	D01.54.15	Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận	
465	E01.59.31	Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận	
466	G01.79.15	Công an quận Phú Nhuận	
467	G11.79.15	Ban Chỉ huy quân sự quận Phú Nhuận	
468	G24.079.09	Bảo hiểm xã hội quận Phú Nhuận	
469	G15.13.79.768	Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận	
470	G05.25.69.14	Chi cục Thống kê quận Phú Nhuận	
471	G12.18.79.768	Chi cục Thuế quận Phú Nhuận	
472	G12.12.79.768	Kho Bạc nhà nước quận Phú Nhuận	
		* Quận Tân Bình	
473	H29.74	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	
474	H29.74.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	
475	H29.74.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình	
476	H29.74.3	Phòng Kinh tế quận Tân Bình	

477	H29.74.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Tân Bình	
478	H29.74.5	Phòng Nội vụ quận Tân Bình	
479	H29.74.6	Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình	
480	H29.74.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình	
481	H29.74.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Bình	
482	H29.74.9	Thanh tra quận Tân Bình	
483	H29.74.10	Phòng Tư pháp quận Tân Bình	
484	H29.74.11	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Bình	
485	H29.74.12	Phòng Y tế quận Tân Bình	
486	D01.54.16	Tòa án nhân dân quận Tân Bình	
487	E01.59.32	Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình	
488	G01.79.16	Công an quận Tân Bình	
489	G11.79.16	Ban Chỉ huy quân sự quận Tân Bình	
490	G24.079.07	Bảo hiểm xã hội quận Tân Bình	
491	G15.13.79.766	Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình	
492	G05.25.69.12	Chi cục Thống kê quận Tân Bình	
493	G12.18.79.766	Chi cục Thuế quận Tân Bình	
494	G12.12.79.766	Kho Bạc nhà nước quận Tân Bình	
		* Quận Tân Phú	
495	H29.75	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	
496	H29.75.1	Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	
497	H29.75.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú	
498	H29.75.3	Phòng Kinh tế quận Tân Phú	
499	H29.75.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Tân Phú	
500	H29.75.5	Phòng Nội vụ quận Tân Phú	
501	H29.75.6	Phòng Quản lý đô thị quận Tân Phú	
502	H29.75.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Phú	
503	H29.75.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Tân Phú	
504	H29.75.9	Thanh tra quận Tân Phú	
505	H29.75.10	Phòng Tư pháp quận Tân Phú	

506	H29.75.11	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Tân Phú	
507	H29.75.12	Phòng Y tế quận Tân Phú	
508	D01.54.17	Tòa án nhân dân quận Tân Phú	
509	E01.59.33	Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú	
510	G01.79.17	Công an quận Tân Phú	
511	G11.79.17	Ban Chỉ huy quân sự quận Tân Phú	
512	G24.079.08	Bảo hiểm xã hội quận Tân Phú	
513	G15.13.79.767	Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú	
514	G05.25.69.13	Chi cục Thống kê quận Tân Phú	
515	G12.18.79.767	Chi cục Thuế quận Tân Phú	
516	G12.12.79.767	Kho Bạc nhà nước quận Tân Phú	
III		Các huyện (05 huyện: Bình Chánh, Cần Giờ, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè)	
		* Huyện Bình Chánh	
517	K29.3	Hội đồng nhân dân huyện Bình Chánh	
518	H29.76	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	
519	H29.76.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	
520	H29.76.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh	
521	H29.76.3	Phòng Kinh tế huyện Bình Chánh	
522	H29.76.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bình Chánh	
523	H29.76.5	Phòng Nội vụ huyện Bình Chánh	
524	H29.76.6	Phòng Quản lý đô thị huyện Bình Chánh	
525	H29.76.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Chánh	
526	H29.76.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Chánh	
527	H29.76.9	Thanh tra huyện Bình Chánh	
528	H29.76.10	Phòng Tư pháp huyện Bình Chánh	
529	H29.76.11	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Bình Chánh	
530	H29.76.12	Phòng Y tế huyện Bình Chánh	

531	D01.54.18	Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh	
532	E01.59.23	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh	
533	G01.79.18	Công an huyện Bình Chánh	
534	G11.79.18	Ban Chỉ huy quân sự huyện Bình Chánh	
535	G24.079.22	Bảo hiểm xã hội huyện Bình Chánh	
536	G15.13.79.785	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh	
537	G05.25.69.20	Chi cục Thống kê huyện Bình Chánh	
538	G12.18.79.785	Chi cục Thuế huyện Bình Chánh	
539	G12.12.79.785	Kho Bạc nhà nước huyện Bình Chánh	
		* Huyện Cần Giờ	
540	K29.4	Hội đồng nhân dân huyện Cần Giờ	
541	H29.77	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	
542	H29.77.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	
543	H29.77.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ	
544	H29.77.3	Phòng Kinh tế huyện Cần Giờ	
545	H29.77.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Cần Giờ	
546	H29.77.5	Phòng Nội vụ huyện Cần Giờ	
547	H29.77.6	Phòng Quản lý đô thị huyện Cần Giờ	
548	H29.77.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cần Giờ	
549	H29.77.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giờ	
550	H29.77.9	Thanh tra huyện Cần Giờ	
551	H29.77.10	Phòng Tư pháp huyện Cần Giờ	
552	H29.77.11	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cần Giờ	
553	H29.77.12	Phòng Y tế huyện Cần Giờ	
554	D01.54.19	Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ	
555	E01.59.26	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ	
556	G01.79.19	Công an huyện Cần Giờ	
557	G11.79.19	Ban Chỉ huy quân sự huyện Cần Giờ	
558	G24.079.24	Bảo hiểm xã hội huyện Cần Giờ	

559	G15.13.79.787	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ	
560	G12.18.79.787	Chi cục Thuế huyện Cần Giờ	
561	G12.12.79.787	Kho Bạc nhà nước huyện Cần Giờ	
		* Huyện Củ Chi	
562	K29.5	Hội đồng nhân dân huyện Củ Chi	
563	H29.78	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	
564	H29.78.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	
565	H29.78.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi	
566	H29.78.3	Phòng Kinh tế huyện Củ Chi	
567	H29.78.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Củ Chi	
568	H29.78.5	Phòng Nội vụ huyện Củ Chi	
569	H29.78.6	Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi	
570	H29.78.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Củ Chi	
571	H29.78.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Củ Chi	
572	H29.78.9	Thanh tra huyện Củ Chi	
573	H29.78.10	Phòng Tư pháp huyện Củ Chi	
574	H29.78.11	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Củ Chi	
575	H29.78.12	Phòng Y tế huyện Củ Chi	
576	D01.54.20	Tòa án nhân dân huyện Củ Chi	
577	E01.59.27	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi	
578	G01.79.20	Công an huyện Củ Chi	
579	G11.79.20	Ban Chỉ huy quân sự huyện Củ Chi	
580	G24.079.20	Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi	
581	G15.13.79.783	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi	
582	G05.25.69.19	Chi cục Thống kê huyện Củ Chi	
583	G12.18.79.783	Chi cục Thuế huyện Củ Chi	
584	G12.12.79.783	Kho Bạc nhà nước huyện Củ Chi	
		* Huyện Hóc Môn	
585	K29.6	Hội đồng nhân dân huyện Hóc Môn	
586	H29.79	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	

587	H29.79.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	
588	H29.79.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	
589	H29.79.3	Phòng Kinh tế huyện Hóc Môn	
590	H29.79.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Hóc Môn	
591	H29.79.5	Phòng Nội vụ huyện Hóc Môn	
592	H29.79.6	Phòng Quản lý đô thị huyện Hóc Môn	
593	H29.79.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hóc Môn	
594	H29.79.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hóc Môn	
595	H29.79.9	Thanh tra huyện Hóc Môn	
596	H29.79.10	Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn	
597	H29.79.11	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Hóc Môn	
598	H29.79.12	Phòng Y tế huyện Hóc Môn	
599	D01.54.21	Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn	
600	E01.59.29	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn	
601	G01.79.21	Công an huyện Hóc Môn	
602	G11.79.21	Ban Chỉ huy quân sự huyện Hóc Môn	
603	G24.079.21	Bảo hiểm xã hội huyện Hóc Môn	
604	G15.13.79.784	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn	
605	G05.25.69.18	Chi cục Thống kê huyện Hóc Môn	
606	G12.12.79.784	Kho Bạc nhà nước huyện Hóc Môn	
		* Huyện Nhà Bè	
607	K29.7	Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè	
608	H29.80	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	
609	H29.80.1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	
610	H29.80.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè	
611	H29.80.3	Phòng Kinh tế huyện Nhà Bè	
612	H29.80.4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Nhà Bè	
613	H29.80.5	Phòng Nội vụ huyện Nhà Bè	
614	H29.80.6	Phòng Quản lý đô thị huyện Nhà Bè	

615	H29.80.7	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nhà Bè	
616	H29.80.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhà Bè	
617	H29.80.9	Thanh tra huyện Nhà Bè	
618	H29.80.10	Phòng Tư pháp huyện Nhà Bè	
619	H29.80.11	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nhà Bè	
620	H29.80.12	Phòng Y tế huyện Nhà Bè	
621	D01.54.22	Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè	
622	E01.59.30	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè	
623	G01.79.22	Công an huyện Nhà Bè	
624	G11.79.22	Ban Chỉ huy quân sự huyện Nhà Bè	
625	G24.079.23	Bảo hiểm xã hội huyện Nhà Bè	
626	G15.13.79.786	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè	
627	G05.25.69.21	Chi cục Thống kê khu vực Nhà Bè - Cần Giờ	
628	G12.12.79.786	Kho Bạc nhà nước huyện Nhà Bè	

Danh mục có tổng số 628 cơ quan, tổ chức./.